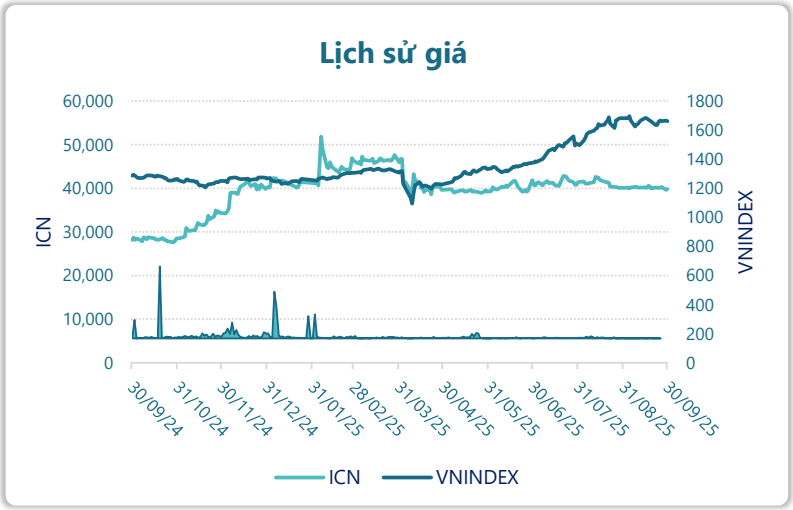
FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (UPCOM: ICN)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**40,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	51,846
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,598
SL cổ phiếu LH	30,599,923
KLGD BQ 20 phiên (CP)	87,500
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,242
P/E	4.8
EPS	8,397

DT thuần

Q3/25

34.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼153| -81.7%

YoY: ▼132| -79.4%

LN sau thuế

Q3/25

2.66

tỷ VNĐ

QoQ: ▼82.2| -96.9%

YoY: ▼45.2| -94.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

9.8%

+/- YoY: ▼ 26.5%

DT thuần

9T 2025

402

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.00| 1.6%

LN sau thuế

9T 2025

146

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0| 10.9%

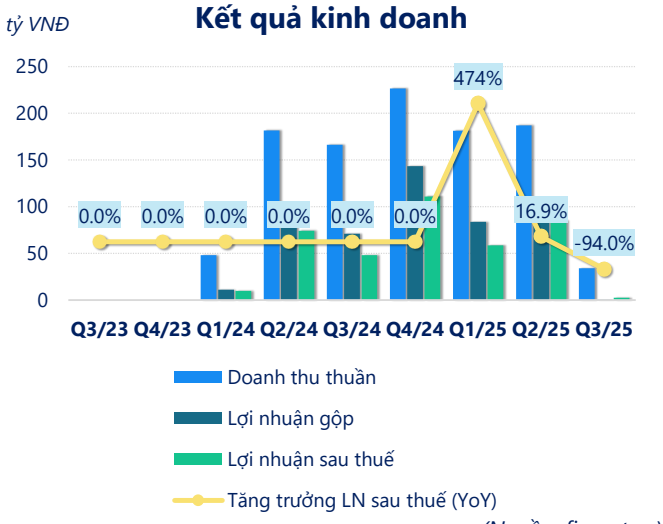
ROE

Q3/25

58.4%

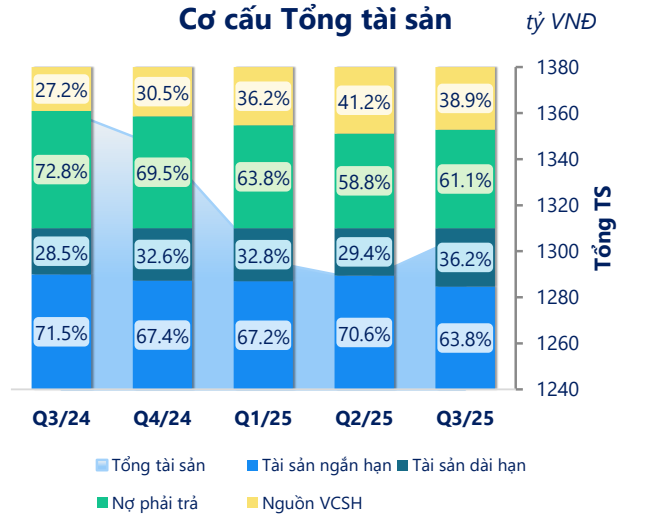
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



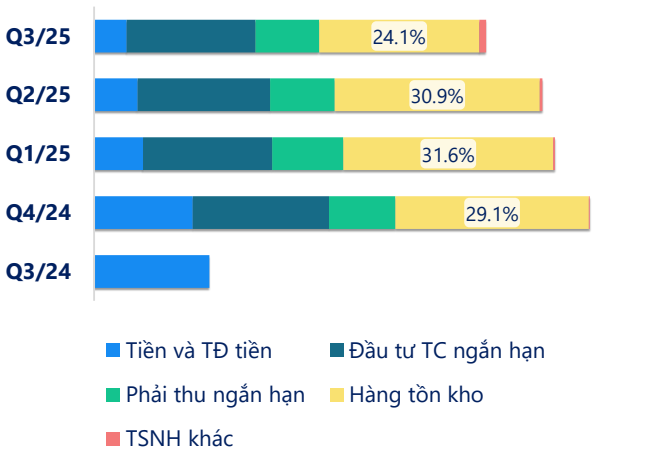
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



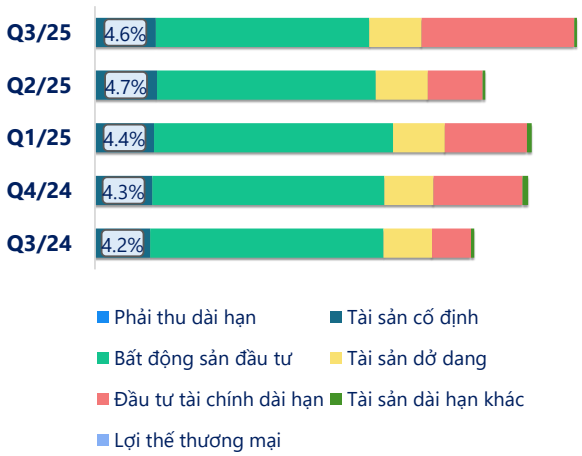
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



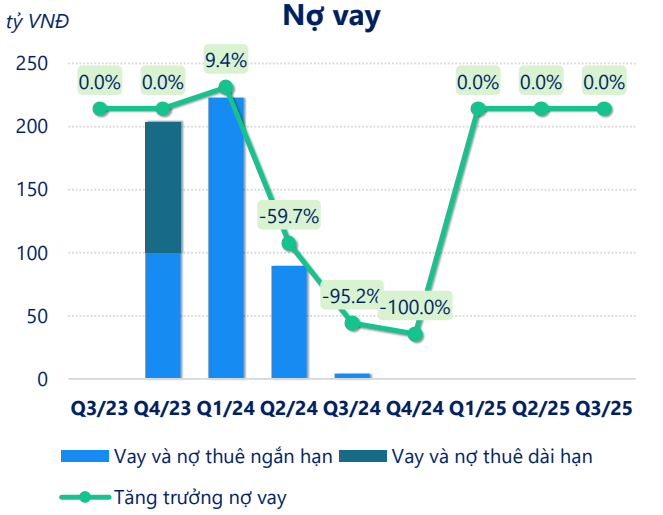
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



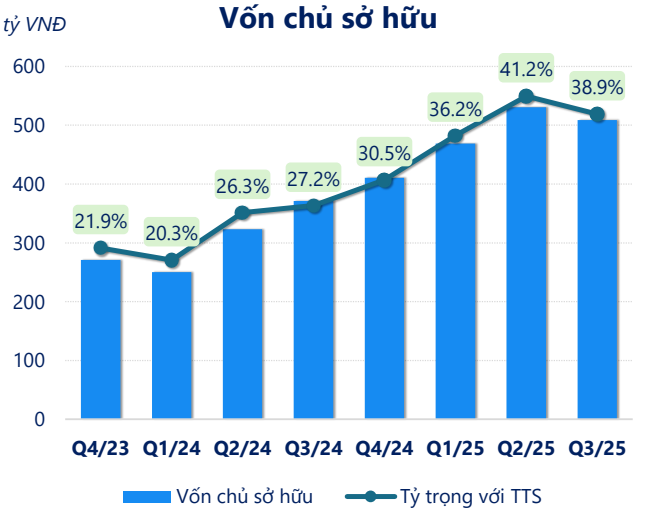
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



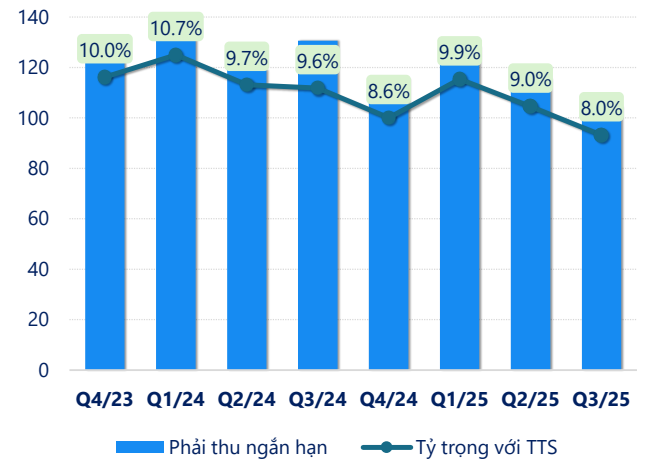
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



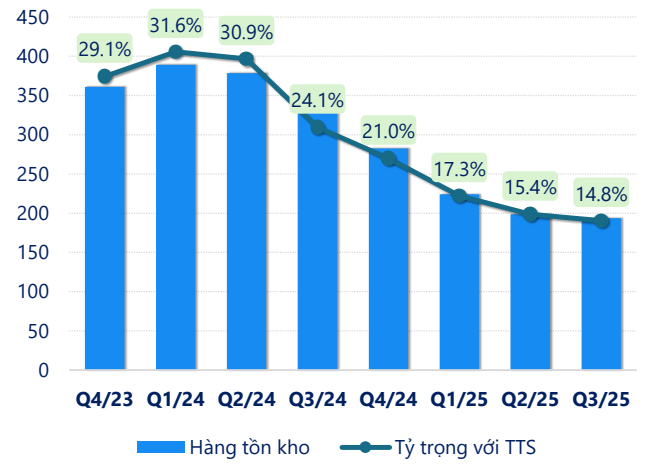
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



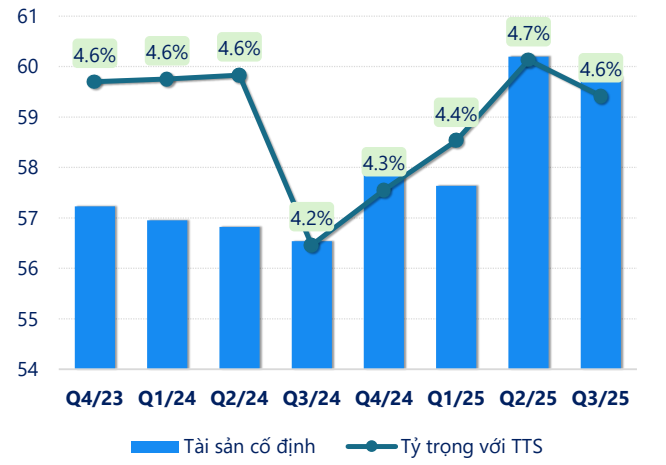
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



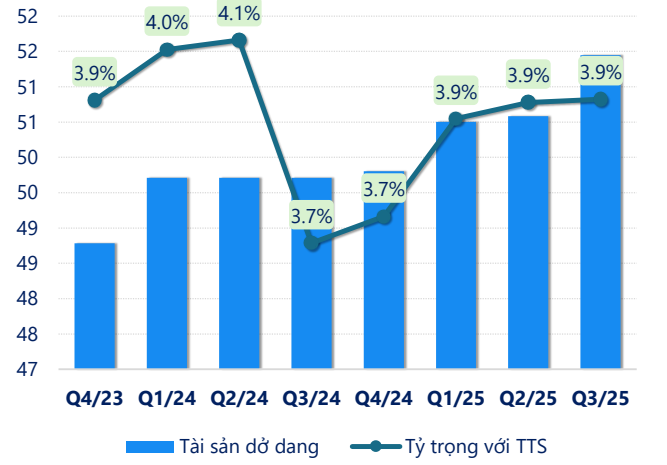
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



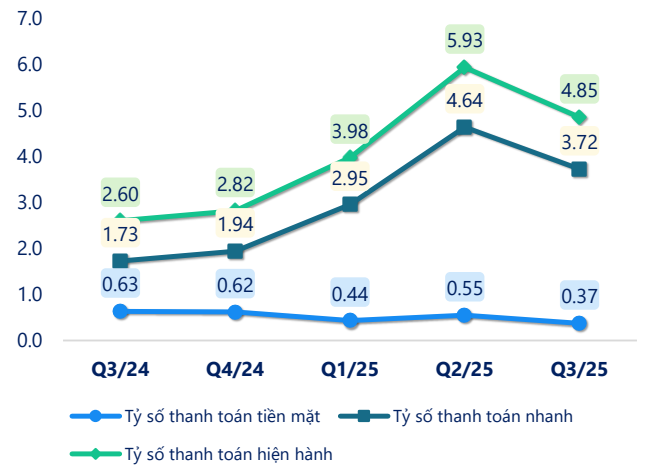
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



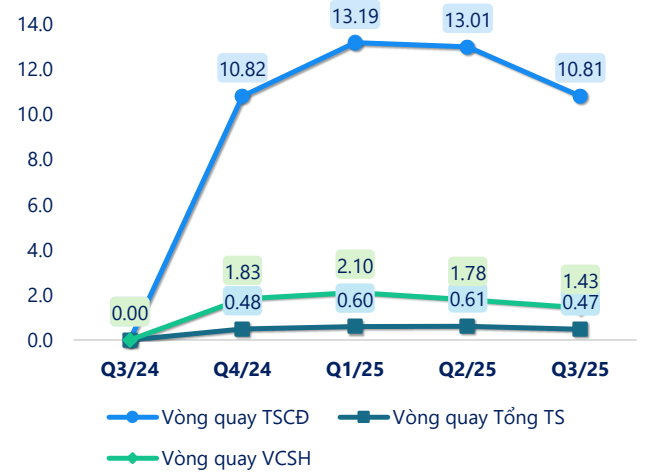
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,362**	**1,345**	**1,296**	**1,287**	**1,307**
Tài sản ngắn hạn	**973**	**907**	**870**	**909**	**833**
Tiền và tương đương tiền	236	200	95.2	84.4	64.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	264	296	415	507	469
Phải thu ngắn hạn	131	115	128	115	104
Hàng tồn kho	328	282	224	199	194
Tài sản ngắn hạn khác	14.4	13.9	7.83	3.66	2.74
Tài sản dài hạn	**389**	**438**	**426**	**378**	**474**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	56.5	57.9	57.6	60.2	59.8
Bất động sản đầu tư	239	235	233	212	210
Tài sản dở dang	49.7	49.8	50.5	50.6	51.4
Đầu tư tài chính dài hạn	40.0	90.0	80.0	53.0	150
Tài sản dài hạn khác	3.32	5.69	4.62	2.59	2.59
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**991**	**934**	**827**	**757**	**799**
Nợ ngắn hạn	**374**	**322**	**219**	**153**	**172**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.28	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	21.4	9.46	6.85	13.8	15.4
Nợ dài hạn	617	613	608	604	627
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**371**	**410**	**469**	**531**	**509**
Vốn chủ sở hữu	**371**	**410**	**469**	**531**	**509**
Vốn điều lệ	204	204	204	204	306
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)